

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 10 - 2020

V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và bà Nguyễn Hoàng Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1226/2020/QĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang trú tại: B – N – S, HAMBURG, Cộng hoà liên bang Đức, có đơn đề nghị xin xử vắng mặt;

Thân nhân của chị Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (bố đẻ chị L); địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/12/2019, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2019 chị L tự ý đi xuất khẩu lao động sang Cộng hoà liên bang Đức mà không bàn bạc gì với anh cả. Vì điều kiện làm việc cũng như khoảng cách về thời gian và địa lý nên mâu thuẫn phát sinh càng nhiều. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng

không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Anh nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung mang tên Trần Nguyễn Đức L, sinh ngày 18/4/2012 và Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2018. Hiện hai con đang sống chung với ông bà ngoại, nguyện vọng của anh sau khi ly hôn giao hai con lại cho chị L nuôi dưỡng, trước mắt là nhờ ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho hai con, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía chị Nguyễn Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ủy thác tư pháp ra nước ngoài thông qua Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức để yêu cầu tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với chị Nguyễn Thị L. Ngày 16/3/2020 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Bản tự khai đề ngày 26/02/2020 của chị L gửi từ bưu điện nước ngoài về với nội dung chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án. Chị L thống nhất như trình bày của anh Đ về quá trình tìm hiểu, xây dựng gia đình và thời gian kết hôn. Do hiện tại cuộc sống mỗi người một nơi, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 02 con chung mang tên Trần Nguyễn Đức L, sinh ngày 18/4/2012 và Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2018. Hiện hai con đang sống chung với ông bà ngoại, nguyện vọng của chị sau khi ly hôn được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, trước mắt là nhờ ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc hai cháu đến khi chị L trở về Việt Nam, chị yêu cầu hàng tháng anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì điều kiện ở xa nên chị không thể về Việt Nam để tham gia phiên tòa theo thời gian đã ấn định, chị xin phép được vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên tòa, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị.

Bên cạnh đó Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã yêu cầu thân nhân của bị đơn là bà Phan Thị H (mẹ đẻ) của chị Nguyễn Thị L trình bày ý kiến của mình về việc anh Đ xin ly hôn chị L, bà H trình bày: “Chị L là con gái của bà, từ khi chị L đi làm ăn ở Đức đến nay vẫn hay liên lạc với gia đình bằng điện thoại, thư từ và gửi tiền về cho ông bà nuôi hai con của mình, bà có nghe chị L tâm sự vợ chồng con đang làm thủ tục ly hôn và nhờ ông bà nuôi hai cháu đến khi con gái bà trở về nước”. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn H (bố đẻ chị L) nhất trí với ý kiến trình bày của anh L, không có ý kiến gì.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Trần Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ánh, xử cho anh Trần Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao hai con Trần Nguyễn Đức L, sinh ngày 18/4/2012 và Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2018 cho chị Nguyễn Thị L chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì chị Nguyễn Thị L đã sử dụng hộ chiếu số C7165202 xuất cảnh ngày 22/7/2019 qua cửa khẩu sân bay Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy việc trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký tại Bản tự khai do chị Nguyễn Thị L gửi về là cần thiết để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 08 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định số 402/2020/QĐ-TCGD trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị L ở mục ký tên tại Bản tự khai của chị L gửi cho Tòa án. Tại kết luận giám định số 1002/PC09 (GD) ngày 22/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã xác định chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh là do chính chị Nguyễn Thị L viết).

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt của đương sự trong trường hợp này, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đ và chị Nguyễn Thị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Tại phiên toà anh Trần Đ vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Chị L có biết việc anh Đ xin ly hôn, chị có văn bản gửi từ Đức về đồng ý ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Đ để xử cho anh Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị L là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: anh Đ và chị L có 02 con chung là Trần Nguyễn Đức L, sinh ngày 18/4/2012 và Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2018 (2 tuổi); Anh Đ có nguyện vọng giao 02 con chung cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, chị L có nguyện vọng xin được nuôi cả hai đứa con. Xét nguyện vọng của anh Đ và chị L thấy rằng, từ khi chị L đi làm ăn nước ngoài đến nay hai con sinh sống ổn định với ông bà ngoại (bố, mẹ đẻ chị L) vì anh Đ không có công việc ổn định, cháu Trần Nguyễn Đức L có đơn trình bày ý kiến xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh Đ, chị L và cháu L để giao hai con cho chị L nuôi dưỡng, anh Đ tự nguyện đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi hai con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh Trần Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5]. Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí giám định tư pháp theo quy định: Anh Trần Đ phải chịu nộp 4.061.500 đồng, anh Đ đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 277, Điều 147, 153, Điều 464, Điều 469, Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị L;

2. *Về quan hệ con chung*: Giao hai con Trần Nguyễn Đức L, sinh ngày 18/4/2012 và Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí*:

Anh Trần Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006820 ngày 17/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Anh Trần Đ phải chịu 4.061.500 đồng lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí giám định tư pháp (anh Đ đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP.

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn

